

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1111/2018/DS - ST

Ngày: 22/11/2018

V/v Tranh hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: **Lê Văn Đường**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Trần Thị Thiếu Liên**

2. Bà: **Bùi Diệu Huệ**

- Thư ký phiên tòa: Ông: **Trương Công Vũ** - Là Thư ký Tòa án -
Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại: Trụ sở - Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 392/2017/TLST - DS ngày 03 tháng 8 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 340/2018/QĐXXST - DS ngày 12 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 267/2018/QĐST - DS ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông: **Trần Quang B**, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Đường số A phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

Bị đơn: Bà: **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1962

Địa chỉ: Đường L, phường Đ, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 03 tháng 4 năm 2015, ông Trần Quang B đã cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), khi vay hai bên thỏa thuận không tính lãi và thời hạn vay là 01 (một) năm. Tuy nhiên, cho đến nay bà Nguyễn Thị T chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên đã phát sinh tranh chấp.

Ông Trần Quang B giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T trả ngay cho ông số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và không yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả lãi.

Ngoài ra, ông Trần Quang B còn cho biết thêm số tiền ông cho bà Nguyễn Thị T vay là tài sản riêng của ông và ông cho bà Nguyễn Thị T vay với trách nhiệm cá nhân nên ông không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm ai tham gia tố tụng trong vụ án này.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân quận Bình Tân đã tổng đạt, nhưng không được nên đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng bà Nguyễn Thị T không có mặt nên không thu thập được lời khai và cũng không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Quang B vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Trần Quang B cho rằng bà Nguyễn Thị T đã vay và còn nợ ông số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (bà Nguyễn Thị T) cư trú tại quận Bình Tân. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu và quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định như trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trần Quang B vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Nguyễn Thị T không có yêu cầu phản tố và đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có tên trên.

[2]. Về pháp luật nội dung:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang B, ông B cho rằng bà Nguyễn Thị T đã vay và còn nợ ông số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nên ông yêu cầu Tòa án buộc bà T trả ngay cho ông số tiền trên.

Hội đồng xét xử xét thấy, ngoài lời trình bày, ông Trần Quang B đã cung cấp hợp đồng vay tiền đã được Công chứng viên T - Văn phòng Công chứng P chứng nhận ngày 03 tháng 4 năm 2015 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông là có căn cứ và hợp pháp. Hợp đồng vay tiền mà ông B đã cung cấp như trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy, bà Nguyễn Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Vì vậy, với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị T trả ngay số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) của ông Trần Quang B. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với các quy định tại Điều 401; Điều 402; Điều 405; Điều 471 và khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 nên chấp nhận.

Ngoài yêu cầu như đã nêu trên, ông Trần Quang B không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp có yêu cầu sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

2.2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) x 05% = 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Ông Trần Quang B không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2.3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 5; khoản 1 Điều 6; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 71; Điều 91; điểm c khoản 1 Điều 92; Điều 93; Điều 94, Điều 95; Điều 96; khoản 1 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 305; Điều 401; Điều 402; Điều 405; Điều 471 và khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 328, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26 của của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang B đối với bà Nguyễn Thị T.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị T trả cho ông Trần Quang B số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Trả một lần tại thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày ông Trần Quang B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị T chưa trả cho ông B số tiền như đã nêu trên, thì hàng tháng bà Thu còn phải trả thêm cho ông B tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngay sau khi nhận đủ số tiền gốc và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ như đã nêu trên (nếu có). Các bên hủy giao dịch liên quan đến hợp đồng tài sản (vay tiền) và các giấy tờ có liên quan mà các bên đã giao kết.

1.2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Trần Quang B 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) là tiền tạm ứng án phí mà ông B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000883 ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Cơ quan thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức thi hành bản án này theo quy định của pháp luật.

1.3. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Quang B và bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Bình Tân;
- Chi cục thi hành án dân quận Bình Tân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký và đóng dấu)

Lê Văn Đường